

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2026/HS-PT

Ngày: 11/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quân, ông Vũ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1), xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 206/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Hoàng Nguyễn Uyên P;** sinh năm 1996, tại Bình Thuận (Nay là tỉnh Lâm Đồng); Nơi cư trú: khu phố H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Mạnh H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; Chồng: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1992; Con: Có 01 con sinh năm 2019 và 01 con sinh ngày 17/02/2024; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn T7.

Địa chỉ: Số C N, khu phố D, phường H, tỉnh Lâm Đồng.

Người địa diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Đăng T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Số A P, khu phố D, phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T7 (gọi tắt là Công ty T7) là nhà phân phối hàng hóa mỹ phẩm, chăm sóc sức khỏe cho Công ty Cổ phần G (địa chỉ số B P, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; gọi tắt là Công ty G1) tại khu vực tỉnh Bình Thuận theo “Hợp đồng nguyên tắc phân phối hàng hóa số Central03/2022/Grove-Legal/HĐNTPPHH-GT ngày 07/12/2021”.

Theo nội dung của Hợp đồng, Công ty G1 sẽ cử nhân viên của mình đến hỗ trợ công việc bán hàng của Công ty T7 mà không cần phải thông báo bằng văn bản cho Công ty T7. Việc ký kết hợp đồng lao động, quản lý, trả lương, trả thưởng cho nhân viên bán hàng được Công ty G2 đến do Công ty G1 thực hiện; Công ty T7 chỉ chịu trách nhiệm quản lý công nợ trong việc bán hàng của nhân viên bán hàng do Công ty G1 phân công đến.

Tháng 02/2022, Hoàng Nguyễn Uyên P được Công ty G1 tuyển dụng làm việc với vị trí nhân viên bán hàng (giữa P và Công ty G1 chỉ thỏa thuận miệng mà không ký kết hợp đồng lao động), sau đó được phân công đến hỗ trợ công việc bán hàng cho Công ty T7.

Khi hỗ trợ bán hàng cho công ty T7, công việc của P được thực hiện theo “Quyết định ban hành các quy định trong thanh toán hóa đơn và công nợ ngày 15/8/2019” do Công ty T7 ban hành. Theo quy định này, P có nhiệm vụ tiếp thị bán hàng, thu tiền hàng của khách hàng và nộp về Công ty T7, cụ thể: Khi tiếp thị sản phẩm, trường hợp có phát sinh giao dịch mua bán với khách hàng, P sẽ cung cấp thông tin cho Kế toán của Công ty để làm phiếu xuất hàng sau đó Công ty T7 sẽ xuất hàng. P có thể trực tiếp giao hàng hoặc xe của Công ty T7 vận chuyển hàng giao cho khách hàng theo tên, địa chỉ do P cung cấp. Sau đó, P chịu trách nhiệm thu tiền hàng của đơn hàng. Trường hợp đơn hàng nào đã thanh toán thì khách hàng đó phải ký xác nhận vào phiếu giao hàng rồi P mang phiếu giao hàng cùng số tiền khách thanh toán về nộp cho Kế toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc giao tiền mặt vào cuối ngày làm việc hôm đó hoặc chậm nhất là 08 giờ sáng hôm sau để Kế toán cập nhật vào hệ thống quản lý công nợ của Công ty. Trường hợp đơn hàng nào chưa thanh toán thì khách hàng đó phải ký nợ vào phiếu giao hàng và P mang phiếu giao hàng này về nộp cho Kế toán vào cuối ngày làm việc hôm đó hoặc chậm nhất là 08 giờ sáng hôm sau để Kế toán cập nhật công nợ, theo dõi công nợ. Sau đó, Kế toán giao lại cho P các phiếu giao hàng khách còn nợ tiền nói trên để P đi thu tiền. Số tiền nợ thu được của khách hàng, P phải nộp về cho Kế toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt để Kế toán cập nhật, theo dõi công nợ hoặc P phải hoàn trả lại các phiếu giao hàng trên cho Kế toán nếu không thu được tiền

nợ của khách hàng vào cuối ngày làm việc hôm đó hoặc chậm nhất là 08 giờ sáng hôm sau.

Trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty T7 từ tháng 02/2022 đến tháng 08/2022, P đã thực hiện không đúng trách nhiệm quy định tại “Quyết định ban hành các quy định trong thanh toán hóa đơn và công nợ” của Công ty T7. Lợi dụng sự tín nhiệm của Công ty, P đã bán hàng và thu tiền của nhiều khách hàng nhưng không nộp về Công ty T7 mà chiếm đoạt số tiền đã thu, cụ thể như sau:

1.1 Phiếu giao hàng ngày 18/4/2022, tên khách hàng “HỒNG NGỌC”, địa chỉ ở số A T, thành phố P, tổng số tiền hàng là 6.079.000 đồng: Đơn hàng này P đã bán cho khách hàng là ông Nguyễn Thanh T1 (sinh năm 1992; trú tại thôn D, xã H, huyện H) với số tiền là 5.720.000 đồng (P tự ý bán rẻ hơn 359.000 đồng so với giá ghi trên Phiếu giao hàng để chạy chỉ tiêu doanh số bán hàng). Ông T1 nhờ bà Bùi Thị Thu T2 (sinh năm 1982; trú tại khu phố E, phường P, thành phố P) nhận hàng giúp. Sau đó vào ngày 19/04/2022, ông T1 đã thanh toán số tiền 5.720.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 4800205157967 mở tại ngân hàng A chi nhánh tỉnh Bình Thuận của P.

Sau khi nhận được số tiền **5.720.000 đồng** từ ông T1, P không nộp số tiền này về Công ty T7 mà chiếm đoạt và tiêu xài hết.

1.2. Phiếu giao hàng ngày 30/4/2022; tên khách hàng “SHOP KIM YẾN”; địa chỉ ở số B L, khu phố H, phường P, thành phố P; tổng số tiền hàng là 8.674.322 đồng: Đơn hàng này P đã bán cho khách hàng là bà Đặng Thị Kim Y (sinh năm 1975; trú tại thôn Q, xã N, huyện P) là chủ cửa hàng Yến Đề ở huyện P với số tiền 7.557.000 đồng (sau khi trừ 05 sản phẩm có giá 672.900 đồng không xuất hàng, P tự ý bán rẻ hơn 444.422 đồng so với giá ghi trên phiếu giao hàng để chạy chỉ tiêu doanh số bán hàng). Vào ngày 13/5/2022, bà Y đã thanh toán số tiền 7.557.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 4800205157967 mở tại ngân hàng A chi nhánh tỉnh Bình Thuận của P.

Sau khi nhận tiền từ bà Y, P chỉ nộp số tiền 3.000.000 đồng cho Công ty T7, còn lại số tiền **4.557.000 đồng** P chiếm đoạt và tiêu xài hết.

1.3. Phiếu giao hàng ngày 20/6/2022; tên khách hàng “MỸ PHẨM NGOC THAM”, địa chỉ ở chợ P1; tổng số tiền đơn hàng là 14.548.000 đồng:

P khai nhận đơn hàng này P đã bán cho cửa hàng Ngọc T3 và khách hàng đã thanh toán số tiền 14.548.000 đồng bằng tiền mặt cho P nhưng P chỉ nộp về Công ty số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền 4.548.000 đồng còn lại P không nộp về Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài hết. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị Ngọc T3 (sinh năm 1982; trú tại khu phố S, thị trấn P, huyện T) là chủ cửa hàng Ngọc T3 khai không mua đơn hàng này. Ông Trần Ngọc Đăng T (sinh năm 1984; trú tại khu phố D, phường L, thành phố P) là đại diện theo pháp luật của Công ty T7 khai đối với đơn hàng

này Công ty không biết P đã bán cho ai, P đã nộp về Công ty số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền **4.584.000 đồng** P chưa nộp về Công ty mà chiếm đoạt.

1.4. Phiếu giao hàng ngày 23/6/2022; tên khách hàng “MỸ PHẨM TRINH”, địa chỉ ở “Cho sara”; tổng số tiền đơn hàng là 4.718.400 đồng:

Đơn hàng này P không bán cho khách hàng “MỸ PHẨM TRINH” và bà Nguyễn Thị Thúy T4 (sinh năm 1987; trú tại thôn B, xã H, huyện H) là chủ cửa hàng T4 cũng khai không mua đơn này. Quá trình điều tra xác định đơn hàng này P bán cho người đàn ông tên S (không rõ nhân thân) ở xã H, huyện H và ông Nguyễn Thanh T1 (sinh năm 1992; trú tại thôn D, xã H, huyện H) là người nhận giúp cho ông S. Sau đó, ông S đã thanh toán số tiền **4.718.400 đồng** bằng tiền mặt cho P nhưng P không nộp về Công ty T7 mà chiếm đoạt tiêu xài hết.

[2] Ngoài ra, Cơ quan điều tra và truy tố đã kết luận Hoàng Nguyễn Uyên P còn chiếm đoạt của Công ty T7 tiền hàng của 07 đơn hàng khác, nhưng chưa đủ yếu tố và căn cứ để truy cứu trách nhiệm Hình sự, cụ thể như sau:

2.1. Phiếu giao hàng ngày 23/02/2022; tên khách hàng “BÁN LỄ”; tổng số tiền hàng là 4.928.100 đồng: Đơn hàng này do Lê Minh T5 (sinh năm 1987; trú tại thôn T, xã T, thành phố P) là nhân viên bán hàng cũ của Công ty G1 chịu trách nhiệm bán hàng và thu tiền của khách. T5 đã thu và nộp về Công ty số tiền 2.270.000 đồng, số tiền 2.658.000 đồng còn lại Công ty T7 giao cho P tiếp tục đi thu. Sau đó, P đã thu tiền mặt của khách hàng “Khánh Quỳnh La Gi” với số tiền công nợ là 1.052.000 đồng và nộp về cho Công ty vào ngày 05/7/2022. Số tiền công nợ **1.606.100 đồng** còn lại của khách hàng “Mỹ phẩm S1”, P đã thu tiền mặt của khách nhưng không nộp về Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài hết.

2.2. Phiếu giao hàng ngày 17/3/2022, tên khách hàng “TH MỸ LINH”, địa chỉ ở thị trấn P, huyện H, tổng số tiền hàng là 3.677.012 đồng: Đơn hàng này do P chịu trách nhiệm bán hàng và thu tiền của khách hàng là bà La Thị Mỹ L (sinh năm 1970; trú tại khu phố A, phường P, thành phố P) là chủ cửa hàng T8. Bà L đã thanh toán **3.677.012 đồng** tiền mặt cho P nhưng P không nộp về Công ty T7 mà chiếm đoạt tiêu xài hết.

2.3. Phiếu giao hàng ngày 16/4/2022; tên khách hàng “LÂM CHÂU”, địa chỉ ở chợ P2; tổng số tiền đơn hàng là 5.875.000 đồng: Đơn hàng này P không bán cho khách hàng “Lâm Châu” và bà Trần Thị Minh C (sinh năm 1972; trú tại khu phố A, phường P, thành phố P) là chủ cửa hàng Lâm C1 cũng khai không mua đơn hàng này. P khai đơn hàng này P đã bán cho một người đàn ông tên H2 (không rõ nhân thân) ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng do P đã làm mất phiếu giao hàng có chữ ký xác nhận của ông H2 nên ông H2 không chấp nhận thanh toán mặc dù P đã giao hàng cho ông H2. Vào ngày 7/7/2022, P đã tự nộp số tiền 2.000.000 đồng cho Công ty T7, số tiền **3.875.000 đồng** P chưa nộp cho Công ty.

2.4. Phiếu giao hàng ngày 21/5/2022; tên khách hàng “Tr TRƯỜNG GIANG”, địa chỉ ở số C N, phường P, thành phố P; tổng số tiền đơn hàng là 12.760.000 đồng: Đơn hàng này P không bán cho khách hàng “T” và bà Trần Thị Thanh T6 (sinh năm 1971; trú tại khu phố G, phường P, thành phố P) là chủ nhà thuộc T khai không mua đơn hàng này. P khai đơn hàng này P đã bán cho ông H2 (không rõ nhân thân) nói trên. Tuy nhiên, do P làm mất phiếu giao hàng có chữ ký xác nhận của ông H2 nên ông H2 không chấp nhận thanh toán. Vào ngày 12/7/2022, P đã tự nộp số tiền 4.000.000 đồng cho Công ty T7, số tiền **8.760.000 đồng** còn lại P chưa nộp cho Công ty.

Hiện do không xác định được nhân thân, địa chỉ của ông H2 nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với ông H2.

2.5. Phiếu giao hàng ngày 29/4/2022; tên khách hàng “CÔ CHỈ”, địa chỉ B N, khu phố H, phường P, thành phố P; tổng số tiền đơn hàng là **6.079.000 đồng**: P khai nhận đơn hàng này do Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1992; HKTT tại thôn T, thị trấn P, huyện T) là chồng P và cũng là nhân viên cũ của Công ty G1 chịu trách nhiệm bán hàng và thu tiền của khách. P chỉ giúp H1 ghi thông tin đơn hàng, còn H1 bán cho ai và đã thu tiền công nợ của đơn hàng này hay chưa thì P không biết. Quá trình làm việc ban đầu tại Công an phường X, H1 khai H1 không bán đơn hàng này cho khách hàng. Quá trình điều tra, H1 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với H1 để làm rõ P có chiếm đoạt tiền công nợ của đơn hàng này hay không.

Ông Trần Ngọc Đăng T là đại diện theo pháp luật của Công ty T7 khai đơn hàng này Công ty không xác định được P hay H1 chịu trách nhiệm bán hàng, bán cho ai và thu tiền hay chưa do thông tin khách hàng trên phiếu giao hàng là không có thật. Hiện số tiền bán hàng **6.079.000 đồng** chưa được nộp về công ty.

2.6. Phiếu giao hàng ngày 25/5/2022; tên khách hàng “HIEN HOA”; địa chỉ ở chợ P2; tổng số tiền đơn hàng là **3.791.000 đồng**: P khai nhận đơn hàng này do Nguyễn Văn H1 (chồng P) chịu trách nhiệm bán hàng và thu tiền của khách hàng. P chỉ giúp H1 ghi thông tin đơn hàng, còn H1 bán cho ai và đã thu tiền công nợ của đơn hàng này hay chưa thì P không biết. Bà Bùi Thị Lệ H3 (sinh năm 1972; trú tại khu phố D, phường P, thành phố P) là chủ cửa hàng H4 khai không mua đơn hàng này. Quá trình làm việc ban đầu tại Công an phường X, H1 khai đơn hàng này do H1 bán hàng và thu tiền của khách hàng nhưng do đã lâu nên H1 không nhớ đã bán cho ai.

2.7. Phiếu giao hàng ngày 08/8/2022; tên khách hàng “KHÁCH LỄ”, địa chỉ “H”; tổng số tiền đơn hàng là 3.337.200 đồng: P khai nhận đơn hàng này do P chịu trách nhiệm bán hàng và thu tiền của khách hàng. P đã bán cho khách hàng “Hoàng Mỹ” và khách hàng đã thanh toán số tiền **3.337.200 đồng** bằng tiền mặt cho P nhưng P không nộp về Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài hết. Tuy nhiên, bà Châu Thị

Ngọc L1 (sinh năm 1965; trú tại khu phố B, phường Đ, thành phố P) là chủ cửa hàng H5 khai không mua đơn hàng này.

Đến ngày 24/8/2022, P vẫn chưa nộp lại cho Công ty T7 số tiền công nợ đã thu của các đơn hàng trên và tự ý nghỉ việc tại Công ty. Sau đó, Công ty đã tiến hành kiểm tra công nợ và trực tiếp xác minh với khách hàng thì phát hiện từ tháng 02/2022 đến tháng 08/2022, P đã bán và thu tiền của các đơn hàng nhưng không nộp về Công ty như trên. Ngày 07/3/2023, ông Trần Ngọc Đăng T là đại diện theo pháp luật của Công ty T7 đã trình báo Công an phường X về hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty T7.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353, điểm s, b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Tuyên buộc bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P phải tiếp tục bồi thường cho Công ty T7 số tiền 48.681.000đ.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 40 triệu đồng bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000782 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng) để đảm bảo thi hành án khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho Công ty T7 tại bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08/8/2025, bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là đúng quy định của pháp luật, mức hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Ý kiến của bị cáo: Từ khi bị xét xử đến nay, bị cáo đã tiếp tục bồi thường đủ số tiền còn lại theo bản án sơ thẩm. Hiện nay, chồng và bị cáo đã ly thân, bị cáo bị bệnh tim bẩm sinh và đang phải một mình nuôi 02 con nhỏ cũng đang bị bệnh hen suyễn mãn tính và dị tật chân bẹt. Do đó, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận kháng cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận về hành vi đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để được chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp các giấy tờ khai sinh số 124 ngày 05/4/2024 của UBND phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND phường P, tỉnh Lâm Đồng) về con thứ hai sinh ngày 17/02/2024. Đây là tình tiết mới cần bổ sung vào phần lý lịch của bị cáo trong phần đầu của bản án.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở xác định: Hoàng Nguyễn Uyên P là nhân viên của Công ty G1 tuyển dụng với vị trí nhân viên bán hàng và được phân công đến hỗ trợ công việc bán hàng cho Công ty T7. Công việc của P được thực hiện theo “Quyết định ban hành các quy định trong thanh toán hóa đơn và công nợ ngày 15/8/2019” do Công ty T7 ban hành. Bị cáo P có nhiệm vụ tiếp thị bán hàng, thu tiền hàng của khách hàng và nộp về Công ty T7. Trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2022 đến ngày 23/6/2022, lợi dụng nhiệm vụ được giao và thu hộ tiền các đơn hàng. P đã có hành vi chiếm đoạt 04 lần với tổng số tiền 19.579.400đ, đồng thời bị cáo tự ý giảm cho khách mua hàng trên tổng trị giá đơn hàng gây thiệt hại cho Công ty T7 số tiền 1.476.323đ. Với hành vi nêu trên, bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là phạm tội nhiều lần, được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo P đã nộp số tiền 40.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả; Bị cáo thuộc trường hợp người phạm tội là phụ nữ có thai; Có ông, bà nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; Đại diện bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều

54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng với mức án 02 năm tù là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu mới là các biên lai thu tiền của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng thể hiện bị cáo đã nộp thêm tiền để khắc phục toàn bộ những thiệt hại đã gây ra cho bị hại và các khoản khác như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, bị cáo còn nộp thêm đơn có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn do đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ; Các đơn thuốc, giấy ra viện thể hiện bị cáo đang mắc bệnh tim mãn tính, con nhỏ nhất (sinh năm 2024) của bị cáo bị bệnh hen suyễn bẩm sinh, con lớn nhất (sinh năm 2019) bị dị tật chân bẹt, cha bị cáo bị bệnh thận mạn giai đoạn 3. Như vậy, các tình tiết mới này đã chứng tỏ bị cáo có sự nhận thức được hành vi của mình, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. HĐXX thấy rằng bản thân bị cáo là phụ nữ đang trực tiếp nuôi con nhỏ, bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có thể tự cải tạo, nếu không bắt đi chấp hành án phạt tù thì không ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương. Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt khi xét xử các tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ : *“Người phạm tội sau khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra.”* Như vậy, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải, có thiện chí khắc phục triệt để hậu quả đã gây ra, HĐXX quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và tinh thần của điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cho bị cáo được hưởng án treo, hình phạt này cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo tại phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng về hình phạt.

2. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (11/02/2026).

Giao bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P cho Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P bồi thường cho Công ty T7 số tiền 48.681.000 đồng (Bốn mươi tám triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000782 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng), tiếp tục tạm giữ số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000492 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng và số tiền 813.000 đồng (tám trăm mười ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000478 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo thi hành án khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho Công ty T7 tại bản án.

5. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P phải nộp 200.000 đồng

án phí hình sự sơ thẩm và 432.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

6. Về án phí phúc thẩm: Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Nguyễn Uyên P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/02/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND KV10 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV10 – Lâm Đồng;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Công TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, KTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Phương